

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12- 06-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Công Nhận

2. Ông Nguyễn Thế Hanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Duyên- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2020 về việc ly hôn, nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/05/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST- HNGĐ ngày 28/05/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1985 (vắng mặt)

ĐKKH: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện An Dương, TP Hải Phòng

**- Bị đơn:** Anh Hoàng Trọng C, sinh năm 1986 (vắng mặt)

ĐKKH; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

**- Người làm chứng:**

Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn trình bày: Chị và anh Hoàng Trọng C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh C chơi bời, không tu chí làm ăn, chăm lo cuộc sống gia đình. Ngoài ra chị còn cho rằng anh nghiện ma túy. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng gần 03 năm nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Hoàng Ngọc A, sinh ngày 12/09/2012, hiện con đang ở cùng mẹ. Khi ly hôn chị xin nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh C không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng anh C không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

\* Tài liệu xác minh tại địa phương, lời khai của gia đình anh C: Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C chơi bời, không tu chí làm ăn. Gia đình đã thông báo nội dung văn bản tố tụng của Tòa cho anh C, qua gia đình anh C có ý kiến anh không đồng ý ly hôn nên không đến Tòa làm việc.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đỗ Thị N ly hôn anh Hoàng Trọng C. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị N nuôi con. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh C tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa làm việc.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, chị N anh C sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh C không tu chí làm ăn và không lo cho cuộc sống vợ con. Thực tế vợ chồng đã ly thân 03 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh C, kiên quyết xin ly hôn. Thông qua gia đình anh C biết việc chị N làm đơn xin ly hôn nhưng nhiều lần Tòa án triệu tập không đến Tòa, không có quan điểm gửi cho Tòa án biết ý kiến của mình. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N, anh C ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung : Vợ chồng chị N, anh C có 01 con chung là Hoàng Ngọc A, sinh ngày 12/09/2012. Khi ly hôn, chị N xin nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con. Cháu Ngọc A có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, cần giao con cho chị N nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị N, anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đỗ Thị N ly hôn anh Hoàng Trọng C.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Hoàng Ngọc A, sinh ngày 12/09/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2020 đến khi con 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

AA/2017/0009002 ngày 17/03/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị N đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. /.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hằng**